

THT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 145/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định một số nội dung về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đối với Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 07.15.2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số nội dung về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định một số nội dung về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

b) Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

c) Bộ Tài chính là cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

d) Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến cơ chế quản lý tài chính và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1. Ngoài các quy định nêu tại Nghị định này, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quản lý tài chính, đánh giá, xếp loại theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định tại Nghị định này và quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 3. Hoạt động đầu tư

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Ngoài việc tuân thủ quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam phải xác định rõ các xung đột lợi ích có thể phát sinh khi thực hiện đầu tư, biện pháp để kiểm soát xung đột lợi ích và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định trước khi thực hiện hoạt động đầu tư. Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Doanh thu

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quản lý doanh thu và thu nhập khác theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Doanh thu của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam bao gồm:

a) Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý thành viên; doanh thu từ hoạt động tổ chức thị trường; doanh thu hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ dịch vụ cung cấp thông tin; doanh thu từ dịch vụ hạ tầng công nghệ cho thị trường chứng khoán; doanh thu dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

c) Doanh thu và thu nhập từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty con bao gồm khoản thu lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con, thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con; doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý doanh thu và thu nhập khác theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Doanh thu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm:

a) Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm doanh thu từ hoạt động đăng ký, quản lý thành viên; doanh thu từ hoạt động đăng ký chứng khoán, hủy đăng ký chứng khoán một phần, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký; doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán; doanh thu từ hoạt động chuyển khoản chứng khoán; doanh thu từ hoạt động thực hiện quyền; doanh thu từ hoạt động chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch; doanh thu từ hoạt động vay, cho vay chứng khoán; doanh thu từ hoạt động thanh toán gốc, lãi, tiền mua lại công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; doanh thu từ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, quản lý vị thế, chuyển khoản vị thế, quản lý tài sản ký quỹ, xử lý lỗi sau giao dịch; doanh thu từ hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; doanh thu dịch vụ phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư; doanh thu từ hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ dịch vụ cung cấp thông tin; doanh thu dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

c) Doanh thu và thu nhập từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty con bao gồm khoản thu lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con, thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con; doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

d) Ngoài doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính đối với lãi tiền gửi phát sinh từ hoạt động thanh toán hộ cổ tức, gốc, lãi, tiền mua lại công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, các chứng khoán khác và thực hiện quyền mua chứng khoán.

Điều 5. Chi phí

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý chi phí theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế đối với một số khoản chi phí đặc thù sau đây:

a) Chi trích lập Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán. Việc trích Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được thực hiện hàng quý. Trong năm tài chính nếu không sử dụng hết, số dư của Quỹ được chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp.

b) Chi phí chuyển công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đối với hoạt động giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Đánh giá, xếp loại doanh nghiệp

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đánh giá, xếp loại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đánh giá, xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Khi thực hiện đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, ngoài các yếu tố tác động được loại trừ theo quy định của pháp luật về đánh giá, xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được loại trừ tác động của các yếu tố sau:

a) Thay đổi chính sách của Nhà nước làm ảnh hưởng đến doanh thu của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định tại điểm b khoản này và doanh thu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam quy định tại điểm c khoản này.

b) Đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ, doanh thu và thu nhập từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty con thay đổi do tác động của các yếu tố: số lượng thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam; số lượng công ty niêm yết, số lượng công ty đăng ký giao dịch; khối lượng chứng khoán giao dịch và giá giao dịch; giá trị trái phiếu trúng thầu, kế hoạch và quy mô huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu; giá trị giao dịch trái phiếu; giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch; khối lượng giao dịch chứng khoán phái sinh; khối lượng giao dịch của các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật chứng khoán; doanh thu từ hoạt động đấu giá, chào bán cạnh tranh, dựng số; doanh thu từ hoạt động tổ chức sàn giao dịch các-bon trong nước; doanh thu từ hoạt động tổ chức các thị trường khác.

c) Đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ thay đổi do biến động các yếu tố: khối lượng chứng khoán lưu ký thực hiện trong năm; giá trị chứng khoán đăng ký (lần đầu) thực hiện trong năm và số lần đăng ký chứng khoán bổ sung; giá trị thanh toán gốc, lãi, tiền mua lại công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; số lần thực hiện quyền và số lượng cổ đông tương ứng với mỗi lần thực hiện quyền; số lần và giá trị chuyển khoản chứng khoán; giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch chứng khoán; số lượng tổ chức đăng ký thành viên; số lượng thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; số lượng hợp đồng và giá trị vay và cho vay chứng khoán; số dư tài sản ký quỹ cuối ngày, giá trị giao dịch chứng khoán thế vị và khối lượng chứng khoán phái sinh thế vị; số lượng giao dịch xử lý lỗi sau giao dịch; số lượng hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm; giá trị chứng khoán phong tỏa; khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon lưu ký thực hiện trong năm; số lần và khối lượng chuyển khoản, giá trị thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon; doanh thu và thu nhập từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty con thay đổi do tác động của yếu tố khách quan khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 7. Quản lý đối với công ty do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quản lý đối với các công ty do mình nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và quy định tại Nghị định này.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cho ý kiến về việc ban hành quy chế tài chính của công ty con. Quy chế quản lý tài chính của công ty con phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Vốn điều lệ, huy động vốn và đầu tư vốn ra bên ngoài.

b) Đầu tư, cho thuê, thuê mua, thế chấp, cầm cố, mua, bán tài sản cố định, quản lý tài sản.

c) Doanh thu và chi phí của công ty con. Trong đó, công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính đối với lãi tiền gửi phát sinh liên quan đến hoạt động đấu giá chứng khoán; công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chi trích lập Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán.

d) Phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ.

đ) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế, quy trình và thực hiện giám sát nội bộ, giám sát tài chính và kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty do mình nắm giữ 100% vốn điều lệ theo các quy chế, quy trình, phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN VÀ** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tuân thủ quy định về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, tuân thủ chế độ báo cáo và công khai thông tin theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn và Nghị định này.

2. Chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với công tác tài chính.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra, quản lý vốn của doanh nghiệp mình đầu tư tại công ty con; thực hiện giám sát nội bộ theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và Nghị định này.

2. Đánh giá việc chấp hành chế độ, chính sách đề trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 10. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 6 năm 2026 và áp dụng từ năm tài chính 2026.

2. Nghị định số 59/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Sửa đổi cụm từ “điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 59/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam” tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước thành cụm từ “điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 145/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định một số nội dung về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trọ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Văn Thắng